HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ MÔNG CỔ

VỀ HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẪN NHAU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ, sau đây gọi tắt là "các bên";

Nhận thấy tầm quan trọng của việc bảo đảm tính và thu đúng thuế hải quan và các khoản thu khác từ hàng hoá xuất nhập khẩu, cũng như của việc thực hiện đúng đắn công tác quản lý ngoại thương mà cơ quan hải quan của mỗi bên phải thực thi;

Nhận thức rằng mọi vi phạm pháp luật hải quan gây phương hại đến lợi ích kinh tế, tài chính, xã hội của mỗi bên cũng như các lợi ích thương mại chính đáng;

Nhận thấy rằng sự hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các bên thông qua những nỗ lực của hải quan nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật hải quan và chống đối cơ quan hải quan góp phần phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước và nâng cao hiệu quả công tác hải quan;

Trên cơ sở khuyến nghị ngày 5 tháng 12 năm 1953 của Hội đồng hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA

Theo Hiệp định này:

1. "Pháp luật Hải quan" được hiểu là mọi điều khoản do luật và các văn bản dưới luật mà mỗi bên ký kết ban hành liên quan đến việc nhập

khẩu, xuất khẩu hàng hoá, hoặc bất cứ thủ tục hải quan nào khác liên quan đến thuế hải quan và các loại thuế khác; các biện pháp cấm đoán, hạn chế hoặc kiểm soát việc vận chuyển hàng hoá và tiền tệ qua biên giới quốc gia.

2. "Hành vi phạm pháp" là mọi hành vi vi phạm pháp luật Hải quan của các Bên cũng như mọi hành vi chủ tâm vi phạm pháp luật đó.

3. "Cơ quan Hải quan" có thẩm quyền ở Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Tổng cục Hải quan Việt Nam, ở Mông Cổ là Tổng cục Hải quan Mông Cổ.

4. "Bên yêu cầu" là bên đưa ra đề nghị được hỗ trợ về các vấn đề Hải quan.

5. "Bên được yêu cầu" là bên tiếp nhận đề nghị hỗ trợ về các vấn đề Hải quan.

ĐIỀU 2 : PHẠM VI HIỆP ĐỊNH

Trong khuôn khổ Hiệp định này, việc hợp tác hỗ trợ lẫn nhau sẽ được thực hiện theo luật lệ qui định của bên được yêu cầu và trong phạm vi khả năng và thẩm quyền của cơ quan Hải quan của bên được yêu cầu trên các lĩnh vực sau:

1. Ngăn chặn, điều tra và trấn áp các vi phạm pháp luật Hải quan nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm pháp luật hải quan ở mỗi bên;

2. Cung cấp thông tin, theo yêu cầu của bên kia, để phục vụ công tác quản lý và thực thi pháp luật hải quan của bên đó;

3. Nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm các biện pháp nghiệp vụ mới bảo đảm cải tiến thủ tục hải quan; đào tạo và trao đổi cán bộ.

4. Đơn giản hoá các thủ tục hải quan;

5. Các lĩnh vực hợp tác khác theo thoả thuận của hai bên.

ĐIỀU 3: HỖ TRỢ THEO YÊU CẦU

1. Cơ quan hải quan của mỗi bên, căn cứ yêu cầu của bên kia sẽ cung cấp cho bên đó các thông tin liên quan đến:

a. hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu từ lãnh thổ của một bên sang lãnh thổ của bên kia và các thủ tục hải quan được áp dụng để thông quan số hàng hoá đó;

b. việc di chuyển người, hàng hoá, hành lý và phương tiện vận tải của bên này qua lãnh thổ của bên kia;

c. về việc thu thuế hải quan và các khoản thu khác do cơ quan hải quan thực hiện và đặc biệt, về việc định giá trị hàng hoá và việc phân loại theo biểu thuế;

d. các loại hàng cấm và hạn chế xuất nhập khẩu;

e. việc áp dụng các qui tắc về xuất xứ hàng hoá chưa qui định trong các Hiệp định khác mà một hoặc hai bên đã ký;

2. Cơ quan hải quan của một trong hai bên, căn cứ theo yêu cầu của bên kia, sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc kiểm tra, kiểm soát đối với:

a. các pháp nhân hoặc thể nhân;

b. việc di chuyển hàng hoá;

c. các phương tiện vận tải.

ĐIỀU 4 : HỖ TRỢ TỰ NGUYỆN

Các cơ quan hải quan sẽ cung cấp cho nhau, căn cứ theo luật pháp và qui định của mình, những hỗ trợ mà họ xét thấy cần thiết cho việc thực hiện đúng pháp luật hải quan, đặc biệt khi họ nhận được thông tin về:

1. Các hoạt động đã, đang hoặc sẽ vi phạm pháp luật hải quan và có thể xâm phạm lợi ích của bên ký kết kia;

2. Các phương tiện hoặc phương thức mới áp dụng trong các vi phạm này;

3. Hàng hoá thuộc diện dễ vi phạm nghiêm trọng pháp luật hải quan;

4. Các biện pháp kỹ thuật phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kể cả những kinh nghiệm thu được qua việc áp dụng các kỹ thuật đó.

ĐIỀU 5 : HỢP TÁC NGHIỆP VỤ

Cơ quan hải quan của các bên ký kết sẽ hợp tác với nhau trên cơ sở các bên cùng có lợi trong các lĩnh vực hải quan, gồm:

1. Trao đổi các chuyên gia hải quan nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hải quan;

2. Trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong việc sử dụng các thiết bị ngăn chặn và phát hiện;

3. Trao đổi các dữ liệu nghề nghiệp, khoa học và kỹ thuật liên quan đến các luật lệ và thủ tục hải quan;

4. Trao đổi thông tin về các hoạt động thực hiện với các bên thứ ba trong khuôn khổ Tổ chức Hải quan Thế giới.

ĐIỀU 6 : HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CÁC YÊU CẦU HỖ TRỢ

1. Bên yêu cầu gửi yêu cầu bằng văn bản, kèm các tài liệu liên quan. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể yêu cầu bằng điện thoại, fax nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2. Những thông tin cần nêu trong bản yêu cầu đề cập ở khoản 1 của điều này bao gồm:

a. tên cơ quan hải quan yêu cầu;

b. mục đích yêu cầu và diễn giải các hỗ trợ đang đề nghị;

c. nhận dạng, quốc tịch và địa chỉ của các đương sự có liên quan, nếu biết;

d. diễn giải chủ đề và bản chất tố tụng kể cả các vấn đề pháp lý có liên quan.

3. Các yêu cầu và tài liệu bổ trợ sẽ gửi kèm bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của bên được yêu cầu hoặc sang tiếng Anh.

ĐIỀU 7: THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU

1. Căn cứ theo yêu cầu của bên kia, các bên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để thực hiện yêu cầu bằng cách tiến hành những điều tra cần thiết, để thu thập và xác minh các thông tin liên quan đến những yêu cầu này. Việc điều tra này có thể bao gồm việc lấy lời khai hoặc khẳng định của chuyên gia, người làm chứng cũng như người bị nghi vấn là đã vi phạm pháp luật hải quan.

2. Các yêu cầu hỗ trợ được đề cập trong điều khoản này sẽ được thực hiện theo pháp luật và qui định hiện hành của bên được yêu cầu và trong phạm vi khả năng và quyền hạn của cơ quan hải quan có thẩm quyền của bên đó.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

1. Bên được yêu cầu có thể từ chối hỗ trợ tất cả hoặc một phần các yêu cầu nếu:

a. bên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu này sẽ phương hại đến chủ quyền an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích quốc gia khác;

b. bên được yêu cầu cho rằng những yêu cầu này xâm phạm bí mật công nghiệp, thương mại hoặc nghề nghiệp trong lãnh thổ của bên đó; hoặc

c. bên được yêu cầu cho rằng những yêu cầu này liên quan đến các quy định về tiền tệ hoặc thuế hơn là liên quan đến các quy định về thuế xuất nhập khẩu và các khoản thu khác.

2. Trước khi từ chối các yêu cầu này, bên được yêu cầu nên xem xét khả năng có thể hỗ trợ theo những điều kiện hoặc yêu cầu nào đó nếu xét thấy cần thiết. Nếu bên ra yêu cầu chấp nhận sự hỗ trợ theo những yêu cầu hoặc điều kiện này thì họ sẽ tuân thủ điều đó.

3. Nếu không thể đáp ứng yêu cầu hỗ trợ, phải thông báo sớm cho bên ra yêu cầu và nêu lý do.

ĐIỀU 9 : CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT

Căn cứ vào qui định của pháp luật hải quan, một trong hai bên, theo yêu cầu sẽ cung cấp cho bên kia các báo cáo, ghi chép về vụ việc, bản sao có xác nhận và các văn bản hoặc tài liệu khác kể cả các thông tin đã được điện toán mà xét thấy cần thiết cho các thủ tục tố tụng ở lãnh thổ bên kia.

ĐIỀU 10 : BẢO MẬT

1. Mọi thông tin và tài liệu mà một trong hai bên nhận được theo Hiệp định này được coi như các tài liệu mật và được bảo quản theo qui định pháp luật của bên đó.

2. Mọi thông tin và tài liệu mà một trong hai bên nhận được theo Hiệp định này chỉ được sử dụng vào những mục đích đã qui định trong Hiệp định này, không được sử dụng vào các mục đích khác nếu không có sự thoả thuận bằng văn bản của bên kia.

ĐIỀU 11: CHI PHÍ

1. Trong quá trình bên được yêu cầu thực hiện yêu cầu hỗ trợ theo Hiệp định này thì mọi chi phí phát sinh sẽ do bên đó chịu.

2. Mọi chi phí nảy sinh trong vấn đề hợp tác nghiệp vụ đề cập trong điều 5 của Hiệp định này sẽ được giải quyết theo thoả thuận riêng giữa hai bên.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Các bên ký kết sẽ cố gắng giải quyết mọi vấn đề hoặc bất đồng phát sinh trong quá trình giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này với sự nhất trí chung.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của hai bên.

4. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 5 năm và sẽ mặc nhiên tiếp tục có hiệu lực, trừ phi một bên thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 06 tháng về ý định chấm dứt Hiệp định của bên đó.

Để làm bằng, những người ký dưới đây, với sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ từng nước, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này làm tại Hà Nội ngày .03. . tháng 10 năm 2002 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt về diễn giải sẽ lấy bản tiếng Anh làm chuẩn.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ MÔNG CỔ
Nguyễn Sinh Hùng	ULAAN

AGREEMENT
Between
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
And
THE GOVERNMENT OF MONGOLIA
REGARDING COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE
IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Mongolia hereinafter referred to as "the Parties";

CONSIDERING the importance of assuring the accurate assessment and collection of customs duties and other taxes collected on the imported, exported goods, as well as the proper implementation of control on external trade which their respective Customs Administration enforces;

CONSIDERING that offenses against customs legislation are prejudicial to the economic, fiscal, social interests of their respective countries as well as to the legitimate interests of trade;

CONVINCED that the cooperation and mutual assistance between the Parties through joint efforts between the Customs Administrations to prevent offenses against customs legislation of the two Parties contributes to the development of the friendly cooperation between the two countries and to the enhancement of effectiveness of Customs Administration of each Party;

HAVING REGARD to the Recommendation of the Customs Co-operation Council on Mutual Administrative Assistance of 5th December 1953;

HAVE AGREED as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purposes of this Agreement:

1. "Customs legislation" means provisions laid down by laws or sub-law documents issued by each Party concerning the importation, exportation of goods or any other customs procedure, whether relating to customs duties, taxes, or to measures of prohibition, restriction or control on the movement of goods and currencies across the national boundaries.

2. "Offense" means any violation or attempted violation of customs legislation of the Parties.

3. "Customs Administration" means in the Socialist Republic of Vietnam, the General Department of Vietnam Customs; and in Mongolia, the Customs General Administration.

4. "Requesting Party" means the Party which makes a request for assistance in customs matters.

5. "Requested Party" means the Party which receives a request for assistance in customs matters.

ARTICLE 2
SCOPE OF AGREEMENT

Within the framework of this Agreement, the mutual assistance and cooperation shall be provided in accordance with the laws and regulations of the requested Party and within the competence and resources of its Customs Administration in the areas of:

1) Prevention, investigation and repression of offenses of customs legislation to ensure proper implementation of customs legislation of the respective Party;

2) Provision of information, upon request by the other Party, to be used in administering and enforcing the customs legislation of that Party;

3) Research, development and testing of new customs techniques for the improvement of customs procedures; training and exchange of personnel;

4) Simplification of customs procedures;

5) Other areas of cooperation as may be mutually agreed upon.

ARTICLE 3
ASSISTANCE ON REQUEST

1. The Customs Administration of either Party, upon request of the Customs Administration of the other Party, shall furnish it with information relating to:

   a. The goods imported from or exported to the territory of one Party and the customs procedures used for the clearance of the goods;

   b. The movement of persons, goods, luggage and means of transport from the territory of one Party to that of the other;

   c. The collection of customs duties, and other taxes levied by Customs Administration and in particular, information on customs value of goods and their tariff classification;

   d. Goods prohibited or restricted from importation and exportation;

   e. Application of rules of origin not covered by other contractual arrangements concluded by one or both Parties.

2. Customs Administration of either Party, upon request of the other Party, shall take necessary measures to ensure the supervision and control over:

   a. Legal or natural persons;

   b. Movement of goods;

   c. Means of transport.

ARTICLE 4
VOLUNTARY ASSISTANCE

The Customs Administrations shall provide each other, in accordance with their laws and regulations, with assistance that they consider necessary for the correct application of customs laws, particularly when they obtain information pertaining to:

1. Operations which contravened, are contravening or may contravene customs legislation and which may be harmful to the interests of the other Party;

2. New ways and means used in committing such offenses;

3. Goods known to be subject to substantial contravention of customs legislation;

4. The techniques used in customs examination and supervision, including the experience gained from the application of those techniques.

ARTICLE 5
TECHNICAL COOPERATION

The Customs Administrations of the Parties shall, for their mutual benefits, cooperate with each other in customs matters, including:

1. Exchange of customs experts for the purpose of enhancing the customs expertise;

2. Exchange of information and experience in the usage of interdiction and detection equipment;

3. Exchange of professional, scientific and technical data relating to customs legislation and procedures;

4. Exchange of information on actions undertaken with third parties within the framework of the World Customs Organization.

ARTICLE 6
FORMS AND CONTENTS OF REQUESTS FOR ASSISTANCE

1. Requests by either Party shall be made in writing and shall be accompanied by the other related documents. When required because of the urgency of the situation, requests may be made through telephone or fax, but shall be confirmed in writing without delay.

2. Requests referred to in paragraph 1 of this Article shall include the following information:

   a) the name of the Customs Administration making the request;

   b) the purpose for which the request is made and a description of the assistance sought;

c) the identity, nationality, location of the parties to whom the request relates, if known; and

d) a description of the subject matter and nature of proceedings including the legal issues involved.

3. Request and supporting documents shall be accompanied by a translation into the official language of the requested Party or into the English language.

ARTICLE 7
EXECUTION OF REQUESTS

1. Upon request by either Party, the other Party shall take reasonable measures to execute the request by conducting necessary investigative steps in order to collect and verify the information related to the request. The investigative steps may include the questioning or confirmation of experts, witnesses, and persons suspected of having committed the offense against customs legislation.

2. Requests for assistance referred to in this Article shall be executed in accordance with the laws and regulations of the requested Party and with the competence and resources of its Customs Administration.

ARTICLE 8
EXCEPTIONS TO ASSISTANCE

1. Assistance may be refused, in whole or in part, by the requested Party if:

a) the requested Party is of the opinion that execution of such requests would prejudice its sovereignty, security, public order or other national interests;

b) the requested Party is of the opinion that such requests may violate an industrial, commercial or professional secrets in the territory of that Party; or

c) the requested Party is of the opinion that the requests involve currency or tax regulations other than regulations concerning the import, export duties and other collections;

2. Before refusing to provide assistance, the requested Party shall consider whether assistance may be provided subject to such conditions or requirements as it deems necessary. If the requesting Party accepts assistance subject to these conditions or requirements, it shall comply with them.

3. If the requested Party cannot comply with a request for assistance, it shall notify the requesting Party without delay, together with the reasons.

ARTICLE 9
NECESSARY INFORMATION

Upon request, in accordance with customs legislation, either Party shall provide the other Party with reports, notes of the case, certified copies and other documents or materials, including computerized information as it deems necessary for legal proceedings in the territory of that Party.

ARTICLE 10
CONFIDENTIALITY

1. The information and documents received by either Party under this Agreement shall be deemed confidential and shall be protected by laws and regulations of that Party.

2. The information and documents received by either Party under this Agreement shall not be used for purposes other than those specified in this Agreement without the written consent of the other Party.

ARTICLE 11
COSTS

1. Expenses incurred by the requested Party in carrying out a request for assistance under this Agreement shall be borne by that Party.

2. Expenses arising from the technical cooperation referred to in Article 5 of this Agreement shall be subject to special arrangements by the Parties.

ARTICLE 12
FINAL PROVISIONS

1. The Parties shall endeavor by mutual accord to resolve any problems arising from interpretation or application of this Agreement.

2. This Agreement shall enter into force thirty days after the date of signature.

3. This Agreement may be revised or amended by mutual consent.

4. This Agreement shall be effective for a period of five years and shall remain in force unless either Party notifies the other Party in writing six months in advance of its intention to terminate the Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in Hanoi on this .3. . . day of October 2002 in duplicate, each in the Vietnamese, the Mongolian and the English languages. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

NGUYỄN SINH HÙNG

FOR THE GOVERNMENT OF MONGOLIA

ULAAN